TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 11-5- 2026
V/v " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng *tham gia phiên toà:* Ông Vũ Văn Tiến-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 234/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc *" ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73^{A}/2025/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2026/QĐST- HNGĐ ngày 29-4-2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn H1, sinh ngày 18-6-1968. Số Căn cước công dân: 030068015244.Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày cấp: 25-8-2021.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H2, sinh ngày 20-5-1978. Số căn cước công dân 031178006966. Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày cấp: 08-8-2022.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng

(ông H1có đề nghị xét xử vắng mặt, bà H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn H1 trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H2 được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hoành Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07-4-1998.

Sau khi kết hôn ông bà chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên vợ chồnng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không còn hạnh phúc. Năm 2022 bà H2 đi lao động ở Bungari đến khoảng tháng 5-2023 bà H2 về nhưng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên không nói chuyện được với nhau nữa. Bà H2 về được khoảng nửa tháng thì lại đi lao động ở bên nước ngoài. Từ khi bà H2 đi vợ chồng mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn nên ông bà đã sống ly thân từ đó đến nay. Ông cũng chỉ biết bà H2 đang làm ăn ở bên nước ngoài còn cụ thể ở đâu thì ông không biết. Ông và gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng bà H2 không nghe. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, ông đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn bà H2.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Trần Thị Thuỷ T, sinh ngày 26-10-2000. Hiện nay cháu đã trưởng thành và có gia đình nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án đã giao các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị H2 qua chị gái là bà Nguyễn Thị C (do bố mẹ đẻ của bà H2 đều đã chết).

Qua làm việc với bà Nguyễn Thị C thể hiện: bà là chị gái ruột của bà Nguyễn Thị H2. Hiện nay bà H2 đang đi lao động ở Nga, thỉnh thoảng có liên hệ về nhà. Bà H2 đang sinh sống địa chỉ cụ thể ở đâu thì bà không biết. Toà án gửi giấy triệu tập cho bà H2 bà đã nhận được và thông báo cho bà H2 được biết. Bà H2 cũng không nói gì với bà về việc ông H1xin ly hôn. Ông H1và bà H2 quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn gì hay không thì bà cũng không nắm được. Toà án giao thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà đã thông báo lại cho bà H2 được biết.

Xác minh tại tổ dân phố thể hiện: Ông Trần Văn H1và Nguyễn Thị H2 có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu tại Uỷ ban nhân dân xã Hoành Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Nhị Chiểu) vào năm 1998. Sau khi kết hôn ông bà sinh sống làm ăn tại địa phương. Tuy nhiên đến khoảng năm 2022 bà H2 đi lao động ở nước ngoài, thỉnh thoảng có về thăm gia đình. Bà H2 hiện nay không còn chung sống cùng ông H1 nữa. Nguyên nhân gì dẫn đến ông bà xảy ra mâu thuẫn thì không nắm được.

Tại công văn số 3948/XNC-Đ1 ngày 20-11-2025 của phòng quản lý Xuất nhập Cảnh – Công an thành phố Hải Phòng thể hiện bà Nguyễn Thị H2, sinh ngày 20-5-1978 số căn cước công dân: 031178006966 (ĐKHKTT: TDP Nghĩa

Lộ, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) xuất cảnh gần nhất ngày 25-7-2023 bằng Hộ Chiếu số C97652221 qua cửa khẩu sân bay quốc tế nội bài; nhập cảnh trở lại ngày 01-10-2025 bằng hộ chiếu trên qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài.

Tại phiên toà nguyên đơn ông Trần Văn H1 vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Bị đơn bà Nguyễn Thị H2 vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Văn H1 được ly hôn bà Nguyễn Thị H2.

2.Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Trần Thị Thuỷ T, sinh ngày 26-10-2000 hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Ông H1phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Ông Trần Văn H1có đơn yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị H2. Bà H2 có đăng kí hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Nghĩa Lộ, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng. Mặc dù ông H2, bà Chín hiện nay đều xác định bà H1đang làm ăn ở nước ngoài. Tuy nhiên tại Công văn của Phòng Xuất nhập cảnh ngày 20-11-2025 thể hiện bà H2 đã nhập cảnh ngày 01-10-2025. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà ông Trần Văn H1có đơn đề nghị xin được vắng

mặt, bà Nguyễn Thị H2 được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ theo quy định tại khoản 1,2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H2.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H1và bà Nguyễn Thị H2 được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn vào ngày 07-4-1998 tại UBND xã Hoành Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Toà án giải quyết việc ly hôn có thông báo hoà giải nhưng bà không đến. Xác minh tại gia đình và địa phương đều xác định hiện nay ông bà đã sống ly thân.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông H1và bà H2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của ông H1ly hôn bà H2 là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Trần Thị Thuỷ T, sinh ngày 26-10-2000, hiện nay đã trưởng thành và có gia đình nên ông H1không yêu cầu giải quyết. Do vậy không đặt ra việc giải quyết về con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H1không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Bà H1chưa có ý kiến về tài sản chung và nợ chung trường hợp nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Ông Trần Văn H1phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,2 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Văn H1được ly hôn bà Nguyễn Thị H2.

2.Về con chung: Ông H1và bà H2 có 01 con chung là Trần Thị Thuỷ T, sinh ngày 26-10-2000, hiện nay đã trưởng thành và có gia đình nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Văn H1phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/25E số 0004076 ngày 16-10-2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Ông H1đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt